

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Trần Quang Diệu  
(giai đoạn 1, diện tích 6,7ha) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng  
và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Trần Quang Diệu (giai đoạn 1, diện tích 6,7ha) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 14/10/2020;*

*Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Trần Quang Diệu (giai đoạn 1, diện tích 6,7ha) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 26/BQL-KHTH ngày 27/01/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 258/TTr-STNMT ngày 07/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Trần Quang Diệu (giai đoạn 1, diện tích 6,7ha) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn với

các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- Chủ dự án;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ KHU VỰC 1,**  
**PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU (GIAI ĐOẠN 1, DIỆN TÍCH 6,7HA)**  
**CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ**  
**PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ QUY NHƠN**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày    /   /2021 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 1, phường Trần Quang Diệu (giai đoạn 1, diện tích 6,7ha).

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn.

1.3. Địa điểm: phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 67.215,02m<sup>2</sup>, với tổng dân cư khoảng 808 người.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cụ thể: san nền; hệ thống cấp và thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, bể tự hoại tập trung, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, bụi và khí thải của máy móc thi công tại công trường và của phương tiện vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,16 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 96,96 m<sup>3</sup>/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, đất đắp; bụi, khí thải từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 54 kg/ngày, chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 335 kg/ngày, khối lượng đất bóc phong hóa khoảng 3.253,33m<sup>3</sup>.

- Trong giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 727,2 kg/ngày, bùn thải phát sinh từ bể tự hoại tập trung khoảng 273 tấn/năm.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR từ quá trình bóc phong hóa có thành phần bùn, sét dễ phân tán vào môi trường nước.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh với tổng khối lượng khoảng 2,5 kg/tháng và giai đoạn hoạt động phát sinh với tổng khối lượng khoảng 160 kg/năm.

- Tính chất CTNH: chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,... chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, nổ, ăn mòn.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn:

a) Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, đầu nối vào các hố ga kết hợp tuyến ống nhựa thu gom dọc theo các tuyến đường, nước thải sau khi thu gom sẽ được dẫn về Bể tự hoại tập trung tại dải cây xanh cách ly phía Đông Bắc, thể tích 764,75m<sup>3</sup>, kết cấu bằng bê tông cốt thép. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về Nhà máy xử lý nước thải 2A theo kế hoạch bố trí nguồn vốn tại Văn bản số 578/UBND-KT ngày 18/3/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn.

b) Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa được thu gom theo hướng từ Tây sang Đông, cống thoát nước chính là cống bê tông ly tâm có đường kính 600 mm – 1.200 mm dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ, sau đó thoát ra sông Hà Thanh ở phía Đông dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Phương tiện vận chuyển được phủ kín bạt, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi phát sinh,...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- CTR thông thường:

+ Giai đoạn xây dựng: đất từ quá trình bóc hữu cơ sẽ được vận chuyển đến khu đất trồng cây xanh thuộc giai đoạn 2 của quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực 1 và 9 phường Trần Quang Diệu.

+ Giai đoạn hoạt động: bố trí khu vực tập kết dụng cụ, trang thiết bị thu gom rác (xe rác đẩy tay,...) phía Đông Nam dự án với diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>.

- CTNH: trang bị các thùng chuyên dụng đặt tại khu vực riêng, có mái che để thu gom CTNH phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

#### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Lắp đặt các biển báo hiệu tại công trường đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công đảm bảo an toàn .

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa (11h30 – 13h30) và không hoạt động trong khoảng thời gian từ 21h00 đến 6h00.

#### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn xây dựng: ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Giai đoạn hoạt động: bàn giao cho đơn vị chủ quản thường xuyên kiểm tra, khơi thông các hố ga, cống thoát nước mưa tránh ngập cục bộ trong khu vực khi có mưa lớn.

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

- Khu vực tập kết dụng cụ, trang thiết bị thu gom rác, diện tích 30m<sup>2</sup> (có mái che).

- Bể tự hoại tập trung có thể tích 764,75m<sup>3</sup>.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành thương mại, Chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát vận hành thương mại:

Giám sát nước thải sinh hoạt: thực hiện trong giai đoạn nước thải của dự án chưa dẫn về Nhà máy xử lý nước thải 2A.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hố ga sau bể tự hoại tập trung (tọa độ: 1.526.148; 598.294).

- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K=1.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.